

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 10 năm 2021

ĐIỂM THI

PHẦN V.2: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỊNH HÓA

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Ma Thị Anh	01	86	7,0	Bảy	
2	Nông Đình Ánh	02	70	7,0	Bảy	
3	Hoàng Văn Bảy	03	78	7,0	Bảy	
4	Ma Doãn Biễn	04	27	7,0	Bảy	
5	Bàng Văn Bính	05	33	7,0	Bảy	
6	Ma Thị Chinh	06	09	7,0	Bảy	
7	Hứa Đức Doanh	07	63	7,0	Bảy	
8	Lường Thị Kim Doanh	08	75	7,0	Bảy	
9	Đinh Xuân Dương	09	50	7,0	Bảy	
10	Ma Khắc Đoàn	10	66	7,0	Bảy	
11	Hứa Thị Đông	11	22	7,0	Bảy	
12	Nguyễn Thùy Giang	12	30	7,5	Bảy rưỡi	
13	Vũ Thị Hà	13	71	8,0	Tám	
14	Nguyễn Thị Thanh Hải	14	25	8,0	Tám	
15	Hoàng Thị Hằng	15	61	8,0	Tám	
16	Trần Thị Hằng	16	69	7,0	Bảy	
17	Lê Thị Hồng Hiền	17	87	7,5	Bảy rưỡi	
18	Ma Thị Hiền	18	58	7,5	Bảy rưỡi	
19	Vũ Thị Hiền	19	49	8,0	Tám	
20	Hà Thị Hoa	20	76	7,5	Bảy rưỡi	
21	Trần Thanh Hòa	21	26	7,0	Bảy	



cc

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
22	Nguyễn Thị Hoan	22	37	7,0	Bảy	
23	Nguyễn Phúc Hoàn	23	36	7,0	Bảy	
24	Dương Văn Học	24	56	7,0	Bảy	
25	Ma Thị Hồng	25	03	7,0	Bảy	
26	Dương Văn Hợp	26	82	8,0	Tám	
27	Lưu Thị Hồng Huế	27	41	7,0	Bảy	
28	Dương Quốc Hưng	28	35	7,5	Bảy rưỡi	
29	Hoàng Thị Hương	29	14	7,0	Bảy	
30	Vũ Thị Thu Hương	30	67	7,0	Bảy	
31	Hoàng Thị Hường	31	62	7,0	Bảy	
32	Hà Thị Huyền	32	88	7,0	Bảy	
33	Nguyễn Đình Huynh	33	24	7,0	Bảy	
34	Ma Văn Khiêm	34	79	7,5	Bảy rưỡi	
35	Hoàng Trọng Khiêm	35	20	7,0	Bảy	
36	Chu Thị Loan	36	48	7,0	Bảy	
37	Cung Thị Ly	37	54	7,5	Bảy rưỡi	
38	Ma Thị Lý	38	60	8,0	Tám	
39	Lương Văn Mạnh	39	45	7,0	Bảy	
40	Hoàng Ngọc Nam	40	83	7,0	Bảy	
41	Mông Thị Tuyết Nga	41	73	7,5	Bảy rưỡi	
42	Phạm Thị Thanh Nga	42	72	8,0	Tám	
43	Ngô Thị Thanh Nga	43	47	7,0	Bảy	
44	Ma Văn Nghị	44	42	7,0	Bảy	
45	Mã Thị Ngô	45	16	7,0	Bảy	
46	Trần Thị Nguyệt	46	31	7,0	Bảy	
47	Lê Thị Hà Nguyên	47	23	8,0	Tám	
48	Nguyễn Sinh Nhã	48	08	7,0	Bảy	
49	Lộc Đức Nhân	49	28	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
50	Lê Thị Thu Oanh	50	80	7,5	Bảy rưỡi	
51	Triệu Văn Quốc	51	12	7,0	Bảy	
52	Đinh Thị Quý	52	44	7,5	Bảy rưỡi	
53	Trần Thị Quỳnh	53	40	7,0	Bảy	
54	Phan Thị Quỳnh	54	11	7,5	Bảy rưỡi	
55	Hứa Thị Sang	55	55	7,5	Bảy rưỡi	
56	Trần Văn Sơn	56	85	7,0	Bảy	
57	Hoàng Ngọc Tân	57	21	7,0	Bảy	
58	Hoàng Văn Tăng	58	64	7,5	Bảy rưỡi	
59	Trần Văn Thanh	59	01	6,5	Sáu rưỡi	
60	Ma Thị Thảo	60	68	7,0	Bảy	
61	Nguyễn Thị Thảo	61	81	7,0	Bảy	
62	Trần Thị Phương Thảo	62	04	7,0	Bảy	
63	La Thị Then	63	02	7,5	Bảy rưỡi	
64	Hoàng Thị Thi	64	57	7,0	Bảy	
65	Ma Văn Thuận	65	34	7,0	Bảy	
66	Trần Văn Thư	66	15	7,0	Bảy	
67	Lý Văn Thư	67	77	6,5	Sáu rưỡi	
68	Lê Thị Thúy	68	46	8,0	Tám	
69	Hoàng Thị Thúy	69	29	7,0	Bảy	
70	Ma Thị Thùy	70	65	7,0	Bảy	
71	Trần Thị Thủy	71	74	7,5	Bảy rưỡi	
72	Hà Thị Thủy	72	06	7,0	Bảy	
73	Lê Văn Tiến	73	52	7,0	Bảy	
74	Hứa Đức Tiệp	74	13	7,0	Bảy	
75	Lưu Viết Toại	75	18	6,5	Sáu rưỡi	
76	Nông Thị Trang	76	51	8,0	Tám	
77	Nguyễn Khắc Trung	77	17	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
78	Dương Quang Tú	78	84	7,0	Bảy	
79	Dương Văn Tuấn	79	19	8,0	Tám	
80	Nguyễn Anh Tuấn	80	07	7,0	Bảy	
81	Lương Thanh Tùng	81	10	7,0	Bảy	
82	Lý Văn Tuyên	82	32	7,0	Bảy	
83	Hà Thị Tuyên	83	53	7,0	Bảy	
84	Mai Thị Ước	84	43	7,5	Bảy rưỡi	
85	Bùi Ngọc Vĩnh	85	59	7,0	Bảy	
86	Lý Đức Võ	86	38	7,0	Bảy	
87	Ma Tuấn Xem	87	39	7,0	Bảy	
88	Lưu Thị Nhung	88	05	8,0	Tám	



**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XDĐ
TRƯỞNG KHOA**

Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên